

Bản án số: 15/2023/HC-ST

Ngày 27-9-2023

V/v “*Khiếu kiện QĐHC trong lĩnh
vực quản lý NN về đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tuyền.

2. Ông Lê Vĩnh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST-HC ngày 28 tháng 6 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HC ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Hồ Thị G; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tuấn V; địa chỉ: 1 Kp T, D, T, Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 26/6/2023). Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Dương Viết H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 31/7/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Xuân N - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T; cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tuấn Nhật T1 và Nguyễn Tuấn Anh Đ; cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H1 và chị Cao Thị Kiều A; cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi trình bày:

Ngày 26/4/2001, hộ bà **Hồ Thị G** được Ủy ban nhân dân (UBND) **huyện H** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 20, tại **thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị** với diện tích 294m² mang tên hộ bà **Hồ Thị G**. Nguồn gốc thửa đất này là của cố vải, ông bà để lại, vừa làm nhà ở, vừa làm nơi thờ phụng tổ tiên. Bà **G** và tất cả con cái trong gia đình đều thống nhất thửa đất đó mang tên bà **G** đến cuối đời. Tuy nhiên, đến tháng 10/2022, bà **G** phát hiện con trai là **Nguyễn Tuấn C** đã tự ý làm thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ này và đã được **UBND huyện H** cấp đổi GCNQSDĐ số AE 732734, thửa số 189, tờ bản đồ số 16, diện tích là 399m² vào ngày 30/11/2006 mang tên hộ ông **Nguyễn Tuấn C** và bà **Lê Thị T** (bà **Lê Thị T** là vợ ông **C**, là con dâu của bà **G**). **UBND huyện H** cấp đổi lại GCNQSDĐ cho vợ chồng ông **C** vào năm 2006 là không đúng, vì trong hộ gia đình lúc đó thì bà **Hồ Thị G** đang là chủ hộ, bà **G** chưa hề có văn bản thỏa thuận nào để chuyển quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông **C** trong GCNQSDĐ.

Từ khi phát hiện ra sự việc con trai tự ý đi thay đổi lại tên trong GCNQSDĐ, bà **G** và các con cái trong gia đình đã bàn bạc để buộc vợ chồng ông **C** phải chuyển lại GCNQSDĐ mang tên bà **Hồ Thị G**, bà **G** và các con trong gia đình sẽ cắt lại một nửa thửa đất có ngôi nhà dưới cho vợ chồng ông **C** ở, còn một nửa thửa đất có ngôi nhà trên là để thờ phụng tổ tiên, con cháu lui tới sum họp. Với trách nhiệm làm mẹ, bà **G** đã khuyên bảo hết lời nhưng vợ chồng ông **C** không nghe. Bà **G** cũng đã gửi đơn xin giải quyết, hòa giải tại **UBND xã H** nhưng vợ chồng ông **C** vẫn không hợp tác.

Do đó, bà **Hồ Thị G** khởi kiện yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE732734 do **UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị** cấp vào ngày 30/11/2006 cho hộ ông **Nguyễn Tuấn C** và bà **Lê Thị T**, đối với thửa đất số 189, tờ bản đồ số 16, diện tích là 399m², tại **thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị** (nay là thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị).

2. Tại văn bản số 1025/UBND-TH ngày 31/7/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Đối với yêu cầu của người khởi kiện về hủy GCNQSDĐ số AE 732734 do UBND huyện cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông **Nguyễn Tuấn C** và bà **Lê Thị T**:

Ngày 26/4/2001, xét đề nghị của Hội đồng cấp GCNQSDĐ của **xã H (nay là xã H)** và các hồ sơ kèm theo, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 217/QĐ-UB về việc cấp GCNQSDĐ theo Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó hộ bà **Hồ Thị G** thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp giấy theo quy định của

xã H và đã được cấp GCNQSDĐ số T 086318 tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 20, diện tích 294m².

Ngày 30/11/2006, xét đề nghị của UBND xã H và các hồ sơ kèm theo, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1667/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ đối với đất ở và vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H, trong đó hộ ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp đổi GCNQSDĐ ở và vườn, ao liền kề và đã được cấp GCNQSDĐ số AE 732734 tại thửa đất số 189, tờ bản đồ số 16, diện tích 399m².

Hồ sơ đang lưu giữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H không có văn bản thể hiện việc chuyển quyền sử dụng đất giữa hộ bà Hồ Thị G với hộ ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T.

Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để xem xét, quyết định đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ nêu trên của người khởi kiện. UBND huyện H chấp nhận mọi phán quyết của Tòa án theo quy định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Nguyễn Tuấn Nhật T1: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.
- Bà Nguyễn Thị Thu H1: Đồng ý với ý kiến của người khởi kiện.
- Chị Cao Thị Kiều A: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.
- Ông Nguyễn Tuấn C, bà Lê Thị T, anh Nguyễn Tuấn Anh Đ: Không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/8/2023, anh Nguyễn Tuấn Nhật T1 là con đẻ ông Nguyễn Tuấn C, bà Lê Thị T trình bày: Hiện tại ông C, bà T và anh Đ có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đang làm việc tại M, tỉnh Quảng Ninh; do đó anh Nguyễn Tuấn Nhật T1 cam đoan nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và báo lại cho ông Nguyễn Tuấn C, bà Lê Thị T và anh Nguyễn Tuấn Anh Đ được biết. Về vụ việc khiếu kiện của bà Hồ Thị G, ông C, bà T đã biết nội dung sự việc.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục đảm bảo theo quy định của pháp luật. Người khởi kiện đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32,

điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hồ Thị G**:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE732734 do **Ủy ban nhân dân huyện H**, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông **Nguyễn Tuấn C** và bà **Lê Thị T**.

- Hủy một phần Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của **Ủy ban nhân dân huyện H**, tỉnh Quảng Trị về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc **xã H** (phần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Nguyễn Tuấn C**, bà **Lê Thị T**).

2. Về chi phí tố tụng: Bà **Hồ Thị G** thuận chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000đ, bà **G** đã nộp đủ.

3. Về án phí: **Ủy ban nhân dân huyện H**, tỉnh Quảng Trị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền của Tòa án:

- Bà **Hồ Thị G** khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số AE732734 do **UBND huyện H**, tỉnh Quảng Trị cấp vào ngày 30/11/2006 cho hộ ông **Nguyễn Tuấn C** và bà **Lê Thị T**. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai mà người khởi kiện cho rằng đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của mình. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Giấy CNQSDĐ số AE732734 do **UBND huyện H** cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông **Nguyễn Tuấn C** và bà **Lê Thị T** trên cơ sở Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của **UBND huyện H** về việc cấp GCNQSDĐ ở và đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc **xã H**. Căn cứ khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, HĐXX cần xem xét Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của **UBND huyện H** là quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu khởi kiện.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành 02 phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại nhưng các phiên họp không tiến hành được do vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan. Do đó, Tòa tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật Tổ tụng hành chính.

Ngày 09/9/2023, Tòa án tiến hành mở phiên tòa. Do người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử vụ án ngày 27/9/2023. Tại phiên tòa, mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng UBND huyện H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1, 2 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện:

GCNQSDĐ số AE732734 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T ngày 30/11/2006. Đến tháng 10/2022, bà Hồ Thị G mới biết được việc cấp GCNQSDĐ nói trên. Do đó, ngày 26/6/2023, bà Hồ Thị G khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Xem xét yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy GCNQSDĐ số AE732734 ngày 30/11/2006 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T.

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 quy định “Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân”. Như vậy trong vụ án này, UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số AE732734 ngày 30/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T là đúng thẩm quyền.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:

Ngày 26/4/2001, hộ bà Hồ Thị G được cấp GCNQSDĐ số T 086318 tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 20, tại thôn P, xã H (nay là xã H), theo Quyết định số 217/2001/QĐ-UB ngày 26/4/2001 của UBND huyện H.

Quá trình sử dụng đất của hộ bà G ổn định, không có tranh chấp, nhưng đến ngày 30/11/2006, quyền sử dụng đất mà hộ bà G đang sử dụng hợp pháp, lại được UBND huyện H ban hành quyết định và cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T theo GCNQSDĐ số AE732734. Tại thời điểm này, bà Hồ Thị G vẫn đang làm chủ hộ và cũng không chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T.

Kết quả xác minh tại UBND xã H cho thấy: Năm 2006, hộ ông C và bà T được cấp GCNQSDĐ theo dự án Đa dạng hoá nông nghiệp, nông thôn. Việc cấp đổi GCNQSDĐ được thực hiện trên cơ sở đơn yêu cầu của ông C mà không có ý kiến của các thành viên trong hộ bà G. UBND xã không biết có thoả thuận chuyển

quyền sử dụng đất của các thành viên trong gia đình bà G, giữa bà G và ông C, bà T hay không.

Tại văn bản trình bày ý kiến 31/7/2023, UBND huyện H cũng thừa nhận trong hồ sơ đang lưu giữ tại Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện H không có văn bản thể hiện việc chuyển quyền sử dụng đất từ hộ bà Hồ Thị G sang hộ ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T.

Như vậy, mặc dù năm 2001 hộ bà Hồ Thị G đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số T 086318, nhưng đến năm 2006, UBND huyện lại cấp GCNQSDĐ cho hộ ông C, bà T mà không có việc chuyển quyền sử dụng đất giữa hộ bà G và hộ ông C, bà T là cấp đất không đúng đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật đất đai năm 2003. Ngoài ra, năm 2006, bà G vẫn là chủ hộ trong hộ gia đình, là người sử dụng đất hợp pháp nhưng không còn được đứng tên trên GCNQSDĐ là vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ; quá trình cấp đổi GCNQSDĐ không có ý kiến của các thành viên trong hộ gia đình, UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho hộ ông C, bà T theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP trong khi thửa đất này đã được cấp GCNQSDĐ cho bà Hồ Thị G năm 2001 là vi phạm về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ.

Việc UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số AE732734 cho hộ ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T thửa đất số 189, tờ bản đồ số 16, diện tích 399m² tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị) đã xâm phạm quyền của người sử dụng đất của bà Hồ Thị G được quy định tại Điều 105 Luật đất đai 2003.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy cần chấp nhận ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Quảng Trị, hủy GCNQSDĐ số AE732734 do UBND huyện H cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Tuấn C và bà Lê Thị T.

[3]. Xem xét Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của UBND huyện H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H:

Qua phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số AE 732734 ngày 30/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Tuấn C, bà Lê Thị T đã vi phạm quy định pháp luật về đất đai, do đó cần hủy GCNQSDĐ số AE 732734 nói trên, đồng thời cần hủy một phần Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của UBND huyện H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H, đối với phần cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Tuấn C, bà Lê Thị T (có số thứ tự 26).

[4]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[4.1]. Chi phí tố tụng khác: Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất và tài sản có

trên đất. Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định chi phí hết 4.487.000 đồng, người khởi kiện đx nộp đủ. Do chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện và người khởi kiện yêu cầu bên bị kiện phải trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Căn cứ khoản 1 Điều 359 Luật tổ tụng hành chính cần buộc **UBND huyện H** phải hoàn trả lại cho bà **Hồ Thị G** số tiền 4.487.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định.

[4.2] Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính, do yêu cầu khởi kiện của bà **Hồ Thị G** được chấp nhận nên bà **Hồ Thị G** không phải chịu án phí HCST, hoàn trả lại cho bà **H2** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc **UBND huyện H** phải chịu án phí HCST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 140, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 359, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 49, khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai 2003; điểm b khoản 3 Điều 43, Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai 2003;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hồ Thị G**:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE732734 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 30/11/2006 cho hộ ông **Nguyễn Tuấn C** và bà **Lê Thị T**.

- Hủy một phần Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vườn, ao liền kề cho nhân dân thuộc xã H (phần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Nguyễn Tuấn C**, bà **Lê Thị T** - số thứ tự 26).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc **UBND huyện H** phải hoàn trả lại cho bà **Hồ Thị G** số tiền 4.487.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Hồ Thị G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số CC/2021/0000301 ngày 28/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Quyền kháng cáo:

Người khởi kiện có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tuyền

Lê Vĩnh Huệ

Trần Việt Trung

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

